ẢNH HƯỞNG CỦA THAM NHŨNG ĐẾN THU HÚT DÒNG VỐN FDI Ở CÁC NƯỚC CHÂU Á

Lê Thị Phương Vy
Khoa Tài chính, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
Email : phuongvyqt@ueh.edu.vn
Lê Văn Hòa
Khoa Tài chính, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
Đặng Văn Cường
Khoa Tài chính Công, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
Email : dangcuong@ueh.edu.vn

Ngày nhận: 15/2/2017
Ngày nhận bản sửa: 28/3/2018
Ngày duyệt đăng: 25/4/2018

Tóm tắt: *Bài nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của tham nhũng và chênh lệch tham nhũng đến việc thu hút dòng vốn FDI của 31 nước Châu Á từ 2005 – 2014. Bài viết đã sử dụng các phương pháp ước lượng dành cho dữ liệu bảng như là POLS, FEM, REM. Bên cạnh đó, bài viết cũng sử dụng phương pháp ước lượng GMM để kiểm tra tính vững của mô hình. Kết quả thực nghiệm cho thấy tham nhũng gây cản trở tới việc thu hút dòng vốn FDI. Hơn nữa, đối với các nước tiếp nhận vốn FDI nếu có mức độ tham nhũng cao hơn so với các nước đầu tư sẽ dẫn đến dòng vốn FDI giảm xuống, tuy nhiên, kết quả thực nghiệm cũng chưa cung cấp minh chứng rõ ràng về việc khi tham nhũng ở nước tiếp nhận thấp hơn nước đầu tư thì dòng vốn FDI vào sẽ tăng lên hay không.*
Từ khóa: FDI, tham nhũng, chênh lệch tham nhũng.

Impact of Corruption on Attracting FDI in Asian Countries

Abstract:
This research tests the impact of corruption and corruption distance on foreign direct investment (FDI) in 31 Asian countries during 2005 - 2014. We address various approaches including POLS, REM, FEM and GMM to analyze panel data. The research findings indicate that corruption level of host country has a negative effect on inward FDI. Moreover, when the home country has a lower level of corruption than the host country, corruption distance has a negative impact on FDI. This could mean that inward FDI of the host country decreases. Meanwhile, it is not obvious evidence that when the home country has a higher level of corruption than the host country, FDI inflows of the host country increase.
Keywords: FDI, corruption, corruption distance.
JEL: D72, D73, F21, F23

1. Dẫn nhập

FDI đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của nước tiếp nhận bởi nhiều lợi ích liên quan như chuyển giao khoa học, công nghệ, nguồn vốn, hay tạo việc làm (UNCTAD, 2008). Chính vì vai trò quan trọng đó, nhiều học giả đã nghiên cứu về các nhân tố tác động đến việc thu hút FDI. Các nghiên cứu thực nghiệm đều chỉ ra rằng FDI chịu sự tác động lớn bởi các chỉ số vĩ mô (Yang & cộng sự, 2013). Bên cạnh đó, FDI cũng chịu tác động từ yếu tố mang tính xã hội đó là thực trạng vấn nạn tham nhũng tại nước tiếp nhận vốn (Castro & Nunes, 2013).

Tham nhũng đang là một vấn đề mang tính toàn cầu và nó có thể gây ra nhiều tác động khác nhau

đến nhiều khía cạnh của nền kinh tế. Mối quan hệ giữa tham nhũng và FDI đã được nghiên cứu rộng rãi trong các nghiên cứu trước đây, tuy nhiên, kết quả của các nghiên cứu này vẫn còn nhiều tranh cãi và chưa có sự đồng nhất. Chẳng hạn như, nghiên cứu của Wei (2000) cho thấy tham nhũng được xem một trong những vấn đề gây cản trở dòng vốn FDI thông qua chi phí gia nhập thị trường cao và nó bóp méo các ưu đãi đầu tư. Voyer & Beamish (2004) cho rằng tham nhũng có thể làm lũng đoạn, ăn mòn bộ máy chính trị của một quốc gia. Tham nhũng có thể làm giảm hiệu quả hoạt động, làm méo mó chính sách công, làm chậm quá trình phổ biến thông tin cũng như tác động tiêu cực tới phân phối thu nhập và gia tăng mức đói nghèo của cả một quốc gia (Chen & cộng sự, 2010). Trong khi đó, nhiều nhà nghiên cứu khác cho rằng có sự tồn tại của thuyết "chất bôi trơn" của tham nhũng. Lý thuyết này cho rằng tham nhũng giúp cải thiện hiệu quả hoạt động của thể chế và làm giảm bớt các méo mó bị gây ra bởi nền hành chính quan liêu (Huntington, 2006; Leff, 1964). Khanna & Palepu (2010) cho rằng tham nhũng giúp các doanh nghiệp đa quốc gia tránh được tình trạng "bệnh thể chế" tại các nước đang phát triển. Mặc dù không hài lòng nhưng doanh nghiệp vẫn phải chấp nhận tham nhũng để tránh những điều bất lợi gây ra cho hoạt động của họ (Méon & Weill, 2010).

Tổ chức Minh bạch Quốc tế đánh giá tình trạng tham nhũng còn đang diễn ra khá phổ biến tại nhiều quốc gia ở châu Á. Theo đó, các quốc gia châu Á luôn có chỉ số tham nhũng cao hơn mức trung bình của các quốc gia được khảo sát. Tuy nhiên, không phải tất cả các nhà đầu tư nước ngoài đều cảm nhận và phản ứng như nhau đối với tham nhũng. Theo đó, mức độ của sự không chắc chắn và chi phí liên quan đến tham nhũng có thể khác nhau và phụ thuộc vào nước xuất xứ của nhà đầu tư nước ngoài (Cuervo-Cazurra, 2008). Một số nghiên cứu chỉ ra rằng các doanh nghiệp đa quốc gia tại các nước có tham nhũng thấp tránh đầu tư vào các quốc gia có tham nhũng cao bởi vì họ không quen và cũng không có kỹ năng xử lý với những hiện tượng như vậy. Điều này gây ra cho họ những hoài nghi về sự không chắc chắn của tham nhũng (Driffield & cộng sự, 2013; Habib & Zurawicki, 2001; Pajunen, 2008). Ngược lại, những doanh nghiệp có nguồn gốc từ những quốc gia có môi trường tham nhũng cao chẳng những không nhạy cảm với tham nhũng cao ở nước ngoài mà họ có thể bị thu hút bởi những môi trường này và thậm chí có thể tận dụng được tham nhũng để tạo ra những lợi ích cho doanh nghiệp (Cuervo-Cazurra, 2006; Suchman, 1995).

Nghiên cứu này tiến hành đánh giá sự chênh lệch mức độ tham nhũng giữa nước tiếp nhận và nước đầu tư đến FDI tại các nước châu Á mà chưa được thực hiện trong các nghiên cứu gần đây. Chúng tôi thực hiện kiểm định vấn đề này trong hai trường hợp: thứ nhất, chênh lệch tham nhũng dương của nước tiếp nhận so với nước đầu tư đến FDI; thứ hai, chênh lệch tham nhũng âm của nước tiếp nhận so với nước đầu tư đến FDI. Dựa vào giả thuyết về sự chênh lệch của mức độ tham nhũng giữa nước tiếp nhận và nước đầu tư sẽ ảnh hưởng khác nhau đến dòng vốn FDI của Habib & Zurawicki (2002), chúng tôi sẽ đánh giá mức độ chênh lệch dương và chênh lệch âm của tham nhũng tại nước tiếp nhận có ảnh hưởng khác nhau đến dòng vốn FDI như thế nào? Ngoài phần dẫn nhập, các phần còn lại của bài viết được kết cấu theo các nội dung sau: phần 2 các nghiên cứu trước đây; phần 3 xây dựng giả thiết; phần 4 phương pháp nghiên cứu; phần 5 kết quả thực nghiệm; và phần 6 kết luận.

2. Mối quan hệ giữa tham nhũng và FDI

2.1. Tham nhũng có tác động tiêu cực đến FDI

Habib & Zurawicki (2002) khi nghiên cứu ảnh hưởng của tham nhũng lên đầu tư cấp quốc gia đã sử dụng dữ liệu về đầu tư trực tiếp nước ngoài và địa phương của 111 quốc gia từ 1994 đến 1998. Có thể nói rằng, nghiên cứu này bao gồm gần như toàn bộ dòng vốn FDI trên thế giới trong thời gian nghiên cứu, do đó tính bao quát của kết quả là khá cao. Nghiên cứu này nhằm kiểm định giả thiết: sự khác biệt lớn hơn về mức độ tham nhũng giữa nước cấp vốn và nước tiếp nhận thì dòng vốn FDI chảy vào nước tiếp nhận bị ít hơn. Vì vậy, nghiên cứu này đưa vào mô hình hồi quy biến sự khác biệt mức độ tham nhũng như là biến kiểm soát. Kết quả cho thấy các nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng tránh tình trạng tham nhũng bởi vì họ cho rằng nó là hành vi trái đạo đức. Tương tự, Abed & Davoodi (2002) sử dụng dữ liệu chéo và dữ liệu bảng để phân tích sự tác động của mức độ tham nhũng lên FDI bình quân đầu người tại các nền kinh tế chuyển đổi. Kết quả cho thấy các quốc gia có mức tham nhũng thấp sẽ thu hút FDI nhiều hơn.

Asiedu (2006) đã kiểm định các yếu tố chính quyết định đến FDI vào châu Phi. Kết quả cho thấy với các nước có thị trường lớn, tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng tốt, lạm phát thấp, hệ thống pháp lý có hiệu quả và một khuôn khổ đầu tư tốt sẽ thúc đẩy FDI. Ngược lại, tham nhũng và bất ổn chính trị có ảnh hưởng xấu lên FDI. Castro & Nunes (2013) tiến hành nghiên cứu tác động của tham nhũng đối với FDI của 73 nước giai đoạn 1998-2008. Kết quả cho thấy các quốc gia mà tham nhũng thấp, FDI lớn hơn.

Từ đó bài nghiên cứu kết luận rằng việc kiểm soát tham nhũng là một yếu tố quan trọng đối với việc thu hút FDI từ nước ngoài.

Mathur & Singh (2013) cho thấy các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm về tự do kinh tế chứ không phải là tự do chính trị trong việc đưa ra các quyết định về lựa chọn địa điểm đầu tư vốn. Nghiên cứu này tiến hành thực nghiệm mô hình các yếu tố quyết định dòng FDI chảy vào các nền kinh tế thị trường mới nổi của 29 nước. Kết quả cho thấy tham nhũng đóng một vai trò lớn trong quyết định nơi nào để đầu tư. FDI vào các nền kinh tế đang phát triển là phụ thuộc lẫn nhau. Mức độ tham nhũng của nước này có thể ảnh hưởng đến FDI vào nước khác. Các nước có tham nhũng càng cao, FDI vào càng ít.

2.2. Tham nhũng có tác động tích cực đến FDI

Một số học giả khác cho rằng tham nhũng không hoàn toàn tiêu cực. Các học giả này dựa vào lý thuyết "chất bôi trơn" của tham nhũng. Nghiên cứu của Egger & Winner (2005) đánh giá mối quan hệ giữa tham nhũng và FDI với mẫu gồm 73 nước phát triển và đang phát triển từ 1995 đến 1999. Kết quả cho thấy tham nhũng là sự kích thích để thu hút FDI bởi vì tham nhũng giúp doanh nghiệp tránh được các quy định rờm rà và các rào cản về quản lý hành chính. Ý tưởng chung là tham nhũng tạo điều kiện cho các giao dịch có lợi mà lẽ ra nó không xảy ra. Hay nói cách khác, tham nhũng có thể giúp phát triển một số lợi thế cạnh tranh nhất định và do đó các doanh nghiệp không bị phiền lòng bởi tham nhũng của nước chủ nhà.

Egger & Winner (2006) nghiên cứu tham nhũng ảnh hưởng như thế nào đến FDI và đã tiến hành đánh giá hai khía cạnh ảnh hưởng của tham nhũng. Khía cạnh thứ nhất, tham nhũng sẽ làm tăng các chi phí giao dịch cho các công ty dẫn đến không thu hút FDI. Khía cạnh thứ hai, tham nhũng là chất bôi trơn làm thông thoáng các thủ tục hành chính và các hạn chế của chính phủ. Ngoài ra, tham nhũng có thể được coi là phương tiện dùng để trốn thuế và làm thông thoáng các quy định tại một đất nước mà môi trường thể chế còn nhiều hạn chế. Tác giả cho rằng tham nhũng có thể thúc đẩy các giao dịch và thủ tục nhanh hơn trong một đất nước mà quá rắc rối về quy định hành chính. Tanzi & Davoodi (1998) cho rằng tham nhũng có thể được các công ty đa quốc gia sử dụng như một đặc quyền để tham gia vào các dự án công cộng của một nước, tạo ra lợi thế cạnh tranh không thể phủ nhận so với các công ty khác.

Ngoài ra, một số tác giả khác cũng ca ngợi vai trò của tham nhũng trong việc giúp các doanh nghiệp có thể tránh được những hệ lụy từ các chính sách kém hiệu quả. Lui (1985) đã ứng dụng mô hình xếp hàng trong việc xin cấp giấy chứng nhận kinh doanh và kết quả cho thấy tham nhũng có thể sẽ giảm thiểu đến mức thấp nhất chi phí thời gian cho việc xếp hàng. Lý do là khoản hối lộ cho các quan chức có thể tạo ra động lực để đẩy nhanh tốc độ tiến trình xử lý khi mà hệ thống quản lý hành chính quá chậm chạp và các quan chức tham nhũng sẽ đưa ra các quyết định nhanh hơn. Nghiên cứu lý thuyết tiên phong của Leff (1964) khám phá vai trò thú vị của tham nhũng trong môi trường kinh doanh. Tham nhũng hoạt động giống như động cơ của tăng trưởng trong điều kiện nền hành chính bị trì trệ và các quy định hà khắc của chính phủ. Qua đó, tham nhũng thúc đẩy hiệu quả của bộ máy hành chính. Bayley (1966) cho rằng tham nhũng có thể khắc phục một bộ máy quan liêu bằng cách cải thiện chất lượng thể chế và có thể giúp doanh nghiệp tránh được các rào cản của chính sách công gây trở ngại cho hoạt động kinh doanh của họ, và qua đó giúp họ tìm ra các giải pháp tích cực và phù hợp.

3. Giả thuyết nghiên cứu

3.1. Tham nhũng và FDI

Godinez & Liu (2015) cho rằng mức độ tham nhũng của nước tiếp nhận sẽ có ảnh hưởng khác nhau đối với quyết định của các nhà đầu tư vì nó còn tùy thuộc vào mức độ tham nhũng của nước đầu tư. Nhiều nghiên cứu trước đây cho rằng mức độ tham nhũng của một quốc gia có tác động tiêu cực đến việc thu hút FDI vì tham nhũng làm gia tăng các chi phí cho các công ty đa quốc gia, do đó làm giảm động lực cho các công ty nước ngoài triển khai đầu tư. Cụ thể, tham nhũng tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế, giáo dục, chất lượng cơ sở hạ tầng và đầu tư công, từ đó làm giảm lợi thế địa điểm. Hơn nữa, tham nhũng có thể làm lũng đoạn, ăn mòn bộ máy chính trị của một quốc gia (Voyer & Beamish, 2004), làm méo mó chính sách công, gây khó khăn cho các doanh nghiệp vì những chi phí hoạt động và rủi ro pháp lý (Chen, 2010). Do đó, giả thuyết được đề xuất là:

H1: Tham nhũng có thể ảnh hưởng tiêu cực với dòng FDI vào

3.2 Chênh lệch tham nhũng và FDI

Chênh lệch tham nhũng là sự khác biệt về mức độ tham nhũng giữa nước đầu tư và nước tiếp nhận. Sự khác biệt này gây ra các chi phí giao dịch và rủi ro đáng kể đến các công ty đa quốc gia khi tiến hành đầu tư vào nước khác. Eden & Miller (2004) cho rằng chênh lệch tham nhũng là sự khác biệt về mức phổ biến của tham nhũng ở khu vực công giữa nước đầu tư và nước tiếp nhận. Chênh lệch tham nhũng

nhận giá trị dương hàm ý tham nhũng ở những nước tiếp nhận cao hơn nước đầu tư. Các nhà nghiên cứu cho rằng chênh lệch tham nhũng càng lớn sẽ tác động tiêu cực đến FDI (Habib & Zurawicki, 2002b). Cụ thể, các công ty đa quốc gia dự kiến sẽ gặp khó khăn hơn do chi phí gây ra bởi tham nhũng cũng như những rủi ro pháp lý có thể gặp phải ở nước tiếp nhận, từ đó làm giảm lợi nhuận đầu tư. Do hạn chế về kỹ năng đối phó với tham nhũng, các công ty đa quốc gia có thể gặp cản trở bởi mức độ tham nhũng cao của nước tiếp nhận (Driffield, 2013; Pajunen, 2008).Vì vậy, giả thuyết được đưa ra:

H2a: Khi tham nhũng ở nước tiếp nhận cao hơn nước đầu tư, FDI có khả năng giảm.

Ngược lại, chênh lệch tham nhũng nhận giá trị âm nghĩa là tham nhũng tại nước tiếp nhận thấp hơn tham nhũng nước đầu tư và khi đó FDI sẽ ít bị ảnh hưởng. Điều này có thể được giải thích bởi các công ty ở các nước đầu tư có mức độ tham nhũng cao đã quen với việc hoạt động trong những điều kiện tương tự, và vì thế họ có thể tận dụng kỹ năng đối phó với tham nhũng của nước mình để nắm bắt cơ hội đầu tư tốt hơn và dễ dàng tạo ra lợi thế cạnh tranh. Hay nói cách khác, nhà đầu tư sẽ hấp dẫn hơn khi nước tiếp nhận có mức độ tham nhũng thấp hơn vì: (1) chi phí để đối phó với tham nhũng ở nước của mình cao hơn so với ở nước tiếp nhận; (2) các công ty thậm chí chọn những nước có mức độ tham nhũng

Bảng 1: Mô tả các biến

Biến	Cách tính	Nguồn
LnFDI	Logarit của FDI vào theo đô la Mỹ	WDI
CPI	Nhận giá trị từ 0 đến 10. Giá trị càng lớn càng ít tham nhũng.	Transparency International
CorrDis1	Giá trị chênh lệch giữa mức tham nhũng nước đầu tư và mức tham nhũng của nước tiếp nhận trong trường hợp tham nhũng nước nhận đầu tư nhiều hơn nước đi đầu tư.	Transparency International
CorrDis2	Giá trị chênh lệch giữa mức tham nhũng nước đầu tư và mức tham nhũng của nước tiếp nhận trong trường hợp tham nhũng nước nhận đầu tư thấp hơn nước đi đầu tư.	Transparency International
Human index	Giá trị từ 0 đến 100	United Nations Development Programme
Law	Giá trị từ 0 đến 100	WGI
Brueaucracy	Xếp hạng các quốc gia dựa trên thời gian trung bình cần thiết để đăng ký thành lập doanh nghiệp	WGI
Ecconomic Freedom	Giá trị từ 0 đến 100.	Heritage
Education	Tổng số sinh viên học đại học trong độ tuổi tham gia giáo dục đại học (logarit)	WDI
Inflation	Chỉ số giá tiêu dùng	WDI
GDP	Logarit của giá trị tuyệt đối GDP	WDI
Unemployment	Tỷ số lao động thất nghiệp/tổng lao động	United Nations Statistical Yearbook

cao (nhưng thấp hơn nước họ) do sự tương đồng về điều kiện; (3) công ty sử dụng kiến thức để đối phó với tham nhũng ở nước mình để giảm thiểu rủi ro và chi phí sản xuất bởi tham nhũng ở nước ngoài (Cuervo-Cazurra, 2006; Kwok & Tadesse, 2006). Vì vậy, bài viết đưa ra giả thuyết là:

H2b: Khi tham nhũng các nước tiếp nhận thấp hơn nước đầu tư, FDI có khả năng tăng.

4. Mô hình và dữ liệu

4.1. Khung lý thuyết

Williamson (1993) cho rằng các nghiên cứu về FDI tập trung vào hiệu quả được dựa trên các phân tích chi phí giao dịch. Theo đó, các tổ chức kinh doanh thực hiện các hoạt động dựa trên các khoản chi phí giao dịch. Lý thuyết chi phí giao dịch quan tâm đến các khoản chi phí thực hiện hoạt động kinh doanh trong nước so với các khoản chi phí khi tham gia hoạt động kinh doanh tại các thị trường nước ngoài (Williamson, 2007). Dựa vào lý thuyết giao dịch, Dunning (1980) đã phát triển mô hình Quyền sở hữu – Vị trí – Sự tiếp thu văn hóa (Ownership - Location – Internalization, OLI) để phân tích các hoạt động của FDI. Mô hình này cho rằng các hoạt động quốc tế của một công ty được quyết định bởi ba yếu tố: Các lợi thế về quyền sở hữu, các lợi thế về vị trí và các lợi thế về sự tiếp thu văn hóa.

Mô hình OLI bao gồm nhiều khoản chi phí về kinh tế và xã hội (Driffield, 2013). Các chi phí kinh tế xuất phát từ khoảng cách địa lí bao gồm vận chuyển, thuế. Trong khi đó, chi phí xã hội bắt nguồn từ sự không am hiểu, các rủi ro về mối quan hệ và phân biệt đối xử mà các công ty nước ngoài phải đối mặt tại nước tiếp nhận vốn. Các rủi ro này gắn với lý thuyết thể chế (Eden & Miller, 2004). Bài viết này sẽ dựa trên sự tổng hợp các biến của lý thuyết chi phí giao dịch trong phạm vi mô hình OLI đã được thực hiện để phân tích sự tác động của tham nhũng đến việc thu hút FDI bởi vì tham nhũng được xem là một trong những yếu tố quan trọng của một thể chế (Peng & cộng sự, 2008). Bên cạnh đó, nhiều học giả cũng cho rằng tham nhũng là một kết quả phản ánh khung thể chế pháp lý, kinh tế, văn hóa và chính trị của một quốc gia (Murphy & cộng sự, 1993; Svensson, 2005).

4.2. Mô hình

Để kiểm định các giả thiết nghiên cứu, bài viết phát triển mô hình thực nghiệm dựa trên khung lý thuyết chi phí giao dịch. Các biến kiểm soát cho biến tham nhũng sẽ được kế thừa từ mô hình OLI. Ngoài ra, mô hình sử dụng các biến kiểm soát thể hiện quy mô nền kinh tế và nguồn lao động của nước tiếp nhận theo đề xuất của Buckley & Casson (1998) và Godinez & Liu (2015) để xây dựng mô hình:

$$Ln\ FDI = \alpha_i + \beta_1 CPI_{it} + \beta_2 Human_{it} + \beta_3 Law_{it} + \beta_4 Brueaucracy_{it} + \beta_5 EcFreedomit + \beta_6 Education_{it} + \beta_7 Inflation_{it} + \beta_8 GDP_{it} + \beta_9 Unemployment_{(it)} + \epsilon_{it} \quad (1)$$

Trong đó i là đại diện cho quốc gia, t đại diện cho năm, β là hệ số, α là hằng số, € là sai số. Bài viết sử dụng dữ liệu quan sát của 31 quốc gia tiếp nhận ở Châu Á và 126 quốc gia đầu tư giai đoạn 2005-2014. Như vậy, biến phụ thuộc (LnFDI) là FDI vào 31 quốc gia của từng quốc gia đầu tư. Biến CPI được khai thác từ Tổ chức Minh bạch Quốc tế và nhận giá trị từ 0 đến 10. Theo đó, giá trị càng lớn càng ít tham nhũng.

Để đánh giá mức độ chênh lệch tham nhũng đến FDI, chúng tôi tiến hành so sánh giá trị CPI của quốc gia nhận đầu tư và quốc gia đi đầu tư trong mẫu:

- Nếu CPI của ớc nhận đầu tư thấp hơn CPI của nước đi đầu tư nghĩa là tham nhũng ở nước tiếp nhận cao hơn nước đầu tư. Khi đó, biến CorrDis1 bằng CPI của nước đầu tư trừ CPI của nước tiếp nhận (có 1219 quan sát).

-Ngược lại, nếu CPI của nước nhận đầu tư cao hơn CPI của nước đi đầu tư nghĩa là tham nhũng ở nước tiếp nhận thấp hơn nước đầu tư. Khi đó, biến CorrDis2 bằng CPI của nước tiếp nhận trừ CPI của nước đầu tư (có 287 quan sát).

Khi đó, mô hình (1) được mở rộng thành:

-CPI của nước nhận đầu tư thấp hơn CPI của nước đi đầu tư

$$Ln\ FDI = \alpha_i + \beta_1 CorrDis1_{it} + \beta_2 Human_{it} + \beta_3 Law_{it} + \beta_4 Brueaucracy_{it} + \beta_5 EcFreedom_{it} + \beta_6 Education_{it} + \beta_7 Inflation_{it} + \beta_8 GDP_{it} + \beta_9 Unemployment_{(it)} + \epsilon_{it} \quad (2)$$

-CPI của nước nhận đầu tư cao hơn CPI của nước đi đầu tư

$$Ln\ FDI = \alpha_i + \beta_1 CorrDis2_{it} + \beta_2 Human_{it} + \beta_3 Law_{it} + \beta_4 Brueaucracy_{it} + \beta_5 EcFreedom_{it} + \beta_6 Education_{it} + \beta_7 Inflation_{it} + \beta_8 GDP_{it} + \beta_9 Unemployment_{(it)} + \epsilon_{it} \quad (3)$$

4.3. Dữ liệu

Bảng 2 cho thấy giá trị logarit tự nhiên của FDI thay đổi từ -0,7 đến 10,84. Chỉ số tham nhũng của nước chủ nhà biến thiên từ 1,7 đến 9,4. Chỉ số tham nhũng của nước đầu tư biến thiên từ 1,3 đến 9,4. Dễ dàng nhận thấy giá trị trung bình chỉ số tham nhũng của nước đầu tư (6,728) lớn hơn so với giá trị trung bình chỉ số tham nhũng của nước chủ nhà (4,27) cho thấy các nước ít tham nhũng hơn thường đi đầu tư nhiều hơn.

Bảng 3 cho thấy hầu hết các hệ số tương quan

Bảng 2: Thống kê mô tả

Biến	Quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
LnFDI	1509	5.28	2.14	-0.70	10.84
CPI host	1509	4.27	2.12	1.70	9.40
CPI home	1509	6.72	1.91	1.30	9.40
Human Index	1509	0.72	0.12	0.42	0.94
Law Index	1509	52.08	24.19	8.06	95.73
Bureaucracy	1509	39.31	36.08	2.50	167.00
Ecofreedom	1509	62.08	12.55	40.30	90.10
Inflation	1509	5.72	4.61	-4.86	39.27
LnGDP	1509	25.90	1.88	19.95	29.97
Unemployment	1509	4.36	2.93	0.10	17.80
lnEducation	1509	4.27	1.52	0.00	5.673

là thấp. Ngoài ra, kết quả kiểm định VIF nhỏ hơn 10, do đó khẳng định hiện tượng đa cộng tuyến là không đáng kể. Bảng 3 cũng cho thấy ở mức ý nghĩa 10% mức độ tham nhũng của nước chủ nhà có tương quan dương với FDI. Điều này có thể gợi ý rằng tham nhũng có mối tương quan nghịch chiều với FDI, nghĩa là khi một nước có mức độ tham nhũng càng cao thì khả năng thu hút vốn FDI của nước đó càng thấp.

5. Kết quả

5.1. Tham nhũng và FDI vào

Mô hình POLS được dùng để ước lượng hệ số hồi quy các biến. Mô hình FEM phân tích mối tương quan giữa phần dư của mỗi đơn vị chéo với các biến giải thích qua đó kiểm soát và tách ảnh hưởng của các đặc điểm riêng biệt (không đổi theo thời gian) ra khỏi các biến giải thích để có thể ước lượng những ảnh hưởng thực của biến giải thích lên biến phụ thuộc. Mô hình REM ước lượng ảnh hưởng của biến độc lập lên biến phụ thuộc với quan điểm: sự biến động giữa các đơn vị được giả sử là ngẫu nhiên và không tương quan đến các biến giải thích. Moulton (1986) và Moulton (1990) cho rằng khi sử dụng dữ liệu bảng để phân tích giữa các quốc gia có thể gặp phải sự hiện diện của hiệu ứng nhóm dẫn tới vấn đề sai số trong các kết luận thống kê. Vì vậy, bài viết kiểm định tính vững của mô hình bằng phương pháp ước lượng GMM để xử lý hiện tượng tự tương quan của các quan sát trong phạm vi các quốc gia và phương sai thay đổi giữa các quốc gia.

Kết quả phân tích mối quan hệ giữa tham nhũng mỗi quốc gia và nguồn vốn FDI vào sẽ được trình

Bảng 3: Ma trận tương quan

	LnFDI	Corr	Human	Law	Burea	Efree	Infla	LnGDP	Unemp	LnEdu
lnFDI	1.00									
CPI host	0.1956 *	1.00								
Human Index	0.1399*	0.8042*	1.00							
Law Index	0.1514*	0.9083*	0.8533*	1.00						
Bureaucracy	-0.0505*	-0.0505*	-0.4903*	-0.0551*	1.00					
Ecofreedom	0.1833*	0.9298*	0.7876*	0.8695*	0.5047*	1.00				
Inflation	-0.1404*	-0.4168*	-0.4197*	-0.4247*	0.1281*	-0.4428*	1.00			
LnGDP	0.2449*	0.1631*	0.2927*	0.3298*	-0.3834*	0.1182*	-0.1436*	1.00		
Unemployment	-0.2123*	-0.1513*	-0.1043*	-0.1914*	0.0974*	-0.1479*	0.2167*	0.0819*	1.00	
lnEducation	0.0015	-0.2259*	-0.1031*	-0.2285*	0.2078*	-0.2215*	0.0851*	-0.0205	0.1689*	1.00
VIF test	4.42									

Nguồn: Tính toán của tác giả

Bảng 4: Ảnh hưởng của mức độ tham nhũng đến FDI

	POLS	REM	FEM	GMM
CPI	**0.5084***** (0.0764)	**0.1686**** (0.0789)	**0.0179*** (0.1048)	**0.1879***** (0.0819)
Human Index	-0.61462 (0.7830)	-2.221** (0.7977)	-1.9232** (0.8851)	-2.7509*** (0.6575)
Law index	-0.04986*** (0.0063)	-0.0248** (0.0078)	0.0024 (0.0103)	-0.0141** (0.0072)
Bureaucracy	0.0096*** (0.0017)	0.0063** (0.0021)	0.0113*** (0.0024)	0.0166*** (0.0021)
Ecofreedom	0.04161*** (0.0113)	0.0439** (0.0155)	0.0204 (0.0209)	0.0510*** (0.0125)
Inflation	0.00825 (0.0125)	0.0259* (0.096)	0.0348*** (0.0097)	-0.0415*** (0.0066)
LnGDP	0.4743*** (0.0321)	0.5022*** (0.0637)	1.0176*** (0.1266)	0.5119*** (0.0670)
Unemployment	-0.2007*** (0.0180)	-0.1537*** (0.0338)	0.0603*** (0.0554)	-0.1832*** (0.0206)
lnEducation	0.08011** (0.0342)	0.0276 (0.0247)	0.0190 (0.0253)	0.0834*** (0.0145)
Constant	-8.606*** (1.0835)	-7.6657*** (1.841)	-21.26*** (3.318)	-8.882*** (1.8986)
Observations	1509	1509	1509	1198
F test	42.54 0.000	193.15 0.000	24.53 0.000	
AR(1) AR(2)				0.000 0.817
Hansen test				0.126

Nguồn: Tính toán của tác giả

bày ở Bảng 4. Kết quả kiểm định Hausman cho thấy giá trị P-value = 0,0000, nghĩa là ước lượng FEM phù hợp hơn REM. Kết quả cho thấy hệ số biến CPI mang dấu dương và có ý nghĩa thống kê, nghĩa là tham nhũng có mối quan hệ nghịch với FDI. Hay nói cách khác, mức độ tham nhũng của một nước càng cao thì càng làm cho FDI đi vào nước đó giảm xuống. Kết quả này có thể được giải thích là vì tham nhũng làm gia tăng các chi phí không chính thức cho các công ty đa quốc gia, gây khó khăn trong việc hoạch định dự án cũng như dự phòng các khoản thu chi, làm giảm động lực các công ty triển khai đầu tư, gây mất niềm tin từ nhà đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh đó, kết quả thực nghiệm cũng cho thấy độ mở của nền kinh tế có tác động tích cực đến việc thu hút FDI ở mức ý nghĩa 1%. Nghiên cứu này một lần nữa khẳng định độ mở nền kinh tế góp phần tạo ra một lực đẩy tốt với FDI chảy vào một quốc gia. Nhân tố GDP cũng thể hiện một sự tương quan dương khá rõ ràng với FDI khi kết quả của cả 4 mô hình đều có ý nghĩa thống kê. Điều này cũng dễ hiểu bởi vì những quốc gia có GDP càng cao ở Châu Á thường có mức tham nhũng thấp, kèm theo đó là điều kiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nước ngoài tốt và đồng thời có hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch hơn so với các nước có mức GDP thấp.

Bảng 5: Ảnh hưởng của chênh lệch tham nhũng đến FDI

	POLS	REM	FEM	GMM
CorrDis1	**0.619*** **	**0.170***	**0.148***	**0.3704*** **
	(7.25)	(1.75)	(1.7)	(5.12)
Human Index	-1.128	-2.496***	-1.181	-1.618***
	(-1.33)	(-2.87)	(-1.23)	(-2.87)
Law index	-0.0625***	-0.0343***	0.00913	-0.0370***
	(-9.13)	(-3.98)	(0.81)	(4.36)
Bureaucracy	0.0068***	-0.0066***	-0.0095***	0.0153***
	(3.50)	(-3.08)	(-3.77)	(8.63)
Ecofreedom	0.0483***	0.0657***	0.0663***	0.0533***
	(3.80)	(3.93)	(3.00)	(5.22)
Inflation	0.00413	0.0243**	0.0333***	0.0333***
	(0.29)	(2.34)	(3.22)	(2.74)
LnGDP	0.512***	0.572***	1.115***	0.6143***
	(14.93)	(8.39)	(8.43)	(8.82)
Unemployment	-0.190***	-0.140***	0.0952*	-0.1690***
	(-9.64)	(-3.91)	(1.70)	(7.92)
lnEducation	0.113***	0.0626**	0.0730***	0.0325***
	(3.05)	(2.43)	(2.76)	(2.98)
Constant	-9.437***	-10.24***	-28.51***	-11.692***
	(-8.11)	(-5.22)	(-8.08)	(-5.81)
Observations	1219	1219	1219	969
F test	41.48	206.15	27.34	
	0.000	0.000	0.000	
AR(1)				0.000
AR(2)				0.550
Hansen test				0.116

Nguồn: Tính toán của tác giả

Chính điều này đã góp phần thu hút được nhiều vốn từ nhà đầu tư nước ngoài hơn.

5.2. Chêch lệch tham nhũng và FDI

Để xem xét chênh lệch tham nhũng giữa nước tiếp nhận và nước đầu tư có tác động đến FDI hay không, bài nghiên cứu tiếp tục chia toàn bộ mẫu thành hai trường hợp: (1) trường hợp tham nhũng ở nước tiếp nhận cao hơn nước đầu tư; (2) trường hợp tham nhũng ở nước tiếp nhận thấp hơn nước đầu tư.

5.2.1. Trường hợp tham nhũng ở nước tiếp nhận cao hơn nước đầu tư

Ảnh hưởng của mức độ tham nhũng đến FDI trong trường hợp tham nhũng ở nước tiếp nhận cao hơn nước đầu tư được trình bày trong Bảng 5. Kết quả bài nghiên cứu ủng hộ giả thiết H2a: khi tham nhũng các nước tiếp nhận cao hơn nước đầu tư, FDI vào các nước tiếp nhận có nhiều khả năng giảm. Như vậy, kết quả hồi quy từ mẫu gồm 1219 quan sát khi giá trị CPI của nước tiếp nhận thấp hơn CPI của nước đầu tư, nghĩa là nước tiếp nhận được đánh giá là tham nhũng nhiều hơn so với các nước đầu tư. Kết quả từ mô hình POLS thể hiện cứ 1 đơn vị giảm xuống trong khoảng cách tham nhũng sẽ làm giảm 0,619% FDI. Nói cách khác khi tham nhũng ở các nước tiếp nhận cao hơn của các nước đầu tư

Bảng 6: Ảnh hưởng của chênh lệch tham nhũng đến FDI

	POLS	REM	FEM	GMM
CorrDis2	**-0.276**	**0.132**	**0.0430**	**-0.0957**
	(-1.61)	(0.63)	(0.16)	(-0.57)
Human Index	-2.848	-1.837	-3.103	-10.2069***
	(-1.28)	(-0.90)	(-1.41)	(-19.54)
Law index	0.0239	0.0081	-0.0089	0.0589***
	(1.26)	(0.41)	(-0.35)	(9.22)
Bureaucracy	0.0202***	0.00104	-0.0303***	0.0348***
	(3.73)	(0.14)	(-2.64)	(5.96)
Ecofreedom	0.0539**	-0.0314	-0.196***	0.0117
	(2.05)	(-0.83)	(-3.16)	(0.60)
Inflation	0.0212	0.0210	0.0302	0.0003
	(0.80)	(0.85)	(1.20)	(0.03)
LnGDP	0.296**	0.166	0.804*	0.6394
	(2.49)	(0.97)	(1.94)	(4.39)
Unemployment	-0.296***	-0.253***	0.232	-0.2540***
	(-6.27)	(-2.98)	(1.05)	(-5.39)
lnEducation	-0.116	-0.182**	-0.231***	-0.1456
	(-1.31)	(-2.31)	(-2.97)	(-1.29)
Constant	-2.992	4.791	-0.548	-6.646**
	(-0.90)	(0.98)	(-0.05)	(-2.24)
Observations	287	287	287	227
F test	41.48 0.000	206.15 0.000	27.34 0.000	
AR(1) AR(2)				0.008 0.262
Hansen test				0.811

Nguồn: Tính toán của tác giả

(CorrDis1 giảm) thì dòng FDI cũng giảm theo. Mô hình thích hợp hơn là FEM và GMM cũng cho kết quả tương tự với mức ý nghĩa 1%. Kết luận này một lần nữa khẳng định các công ty sẽ gặp khó khăn hơn do chi phí gây ra bởi tham nhũng cũng như những rủi ro pháp lý có thể gặp phải ở nước tiếp nhận, từ đó làm giảm lợi nhuận hay động lực đầu tư.

5.2.2. Trường hợp tham nhũng ở nước tiếp nhận thấp hơn nước đầu tư

Kết quả từ Bảng 6 nhằm kiểm định giả thiết H2b: Khi tham nhũng các nước tiếp nhận thấp hơn nước đầu tư, FDI vào các nước tiếp nhận có nhiều khả năng tăng. Kết quả thực nghiệm cho thấy hệ số hồi quy của biến CorrDis2 đều không có ý nghĩa thống kê ở tất cả các phương pháp ước lượng. Điều này cho thấy khi tham nhũng tại các nước tiếp nhận thấp hơn các nước đầu tư thì vẫn không thể khẳng định sẽ giúp gia tăng FDI vào các nước này. Hay nói cách khác, giả thiết H2b là không xảy ra tại các quốc gia trong mẫu khảo sát. Kết quả này có thể là do số quan sát trong trường hợp tham nhũng ở nước tiếp nhận thấp hơn nước đầu tư trong bài nghiên cứu này là khá ít, chỉ có 287 quan sát trong mẫu.

6. Kết luận

So với các nghiên cứu trước đây, nghiên cứu này đã chỉ ra được mối liên hệ giữa tham nhũng và FDI thông qua khái niệm "chênh lệch tham nhũng" dựa trên nguồn dữ liệu của 31 nước châu Á. Đồng thời, nghiên cứu chỉ ra được mối quan hệ này là tích cực hay tiêu cực. Hơn nữa, nghiên cứu được xem là đã bổ sung thêm bằng chứng thực nghiệm về khu vực Châu Á, khu vực còn tồn tại nhiều bất cập trong hệ thống thể chế chính trị, nơi tham nhũng còn tồn tại như là một vấn đề bất cập chưa được giải quyết tận gốc. Kết quả cho thấy tham nhũng ảnh hưởng tiêu cực với dòng FDI vào. Cụ thể hơn, khi tham nhũng các nước tiếp nhận cao hơn nước đầu tư, FDI vào các nước tiếp nhận có xu hướng giảm. Tuy nhiên, khi tham nhũng tại nước tiếp nhận thấp hơn nước đầu tư thì chưa tìm được minh chứng sẽ giúp thu hút FDI vào quốc gia này nhiều hơn.

Từ kết quả của bài nghiên cứu, ta có thể dễ dàng nhận thấy rằng tham nhũng có một tác động quan trọng trong việc thu hút FDI đổ vào một quốc gia. Việc được đánh giá mức độ minh bạch cao sẽ làm cho các nhà đầu tư nước ngoài tin tưởng hơn vào thể chế chính trị cũng như tính ổn định, thông thoáng của hành lang pháp lý của nước đó, đem đến nguồn vốn nước ngoài đầu tư chảy vào theo. Kinh nghiệm và các bài học ở các nước trên thế giới và khu vực Châu Á thành công trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng có hiệu quả trong thời gian qua cho thấy bí quyết chung là: thứ nhất là có quyết tâm chính trị cao của chính phủ, nhất là người đứng đầu; hai là, có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, kể cả pháp luật về phòng, chống tham nhũng; ba là, chú trọng giáo dục đạo đức công dân, hình thành văn hoá chống tham nhũng .

Tài liệu tham khảo:

Abed, G. T., & Davoodi, H. R. (2002), 'Corruption, structural reforms, and economic performance in the transition economies', *IMF Working Paper, 132*(SSRN), 1-48.

Asiedu, E. (2006), 'Foreign direct investment in Africa: The role of natural resources, market size, government policy, institutions and political instability', *The World Economy*, 29(1), 63-77.

Bayley, D.H. (1966), 'The effects of corruption in a developing nation', *Political Research Quarterly*, 19(4), 719-732.

Buckley, P.J. & Casson, M.C. (1998), 'Analyzing foreign market entry strategies: Extending the internalization approach', *Journal of International Business Studies*, 29(3), 539-561.

Castro, C. & Nunes, P. (2013), 'Does corruption inhibit foreign Direct investment?', *Política. Revista de Ciencia Política*, 51(1), 61-83.

Chen, C.J., Ding, Y., & Kim, C.F. (2010), 'High-level politically connected firms, corruption, and analyst forecast accuracy around the world', *Journal of International Business Studies*, 41(9), 1505-1524.

Cuervo-Cazurra, A. (2006), 'Who cares about corruption?', *Journal of International Business Studies*, 37(6), 807-822.

Cuervo-Cazurra, A. (2008), 'Better the devil you don't know: Types of corruption and FDI in transition economies', *Journal of International Management*, 14(1), 12-27.

Driffield, N., Jones, C. & Crotty, J. (2013), 'International business research and risky investments, an analysis of FDI in conflict zones', *International Business Review*, 22(1), 140-155.

Dunning, J.H. (1980), 'Toward an eclectic theory of international production: Some empirical tests', *Journal of international business studies*, 11(1), 9-31.

Eden, L. & Miller, S.R. (2004), 'Distance matters: Liability of foreignness, institutional distance and ownership strategy', in *Theories of the Multinational Enterprise: Diversity, Complexity and Relevance*, Emerald Group Publishing Limited, 187-221.

Egger, P. & Winner, H. (2005), 'Evidence on corruption as an incentive for foreign direct investment', *European Journal of Political Economy,* 21(4), 932-952.

Egger, P. & Winner, H. (2006), 'How corruption influences foreign direct investment: A panel data study', *Economic Development and Cultural Change,* 54(2), 459-486.

Godinez, J.R. & Liu, L. (2015), 'Corruption distance and FDI flows into Latin America', *International Business*

Review, 24(1), 33-42.

Habib, M. & Zurawicki, L. (2001), 'Country-level investments and the effect of corruption—some empirical evidence', *International Business Review*, 10(6), 687-700.

Habib, M. & Zurawicki, L. (2002), 'Corruption and foreign direct investment', *Journal of International Business Studies*, 33(2), 291-307.

Huntington, S.P. (2006), *Political order in changing societies*, Yale University Press, New Haven and London.

Khanna, T. & Palepu, K.G. (2010), *Winning in emerging markets: A road map for strategy and execution*, Cambridge, Harvard Business Press.

Kwok, C.C. & Tadesse, S. (2006), 'The MNC as an agent of change for host-country institutions: FDI and corruption', *Journal of International Business Studies*, 37(6), 767-785.

Leff, N.H. (1964), 'Economic development through bureaucratic corruption', *American Behavioral Scientist*, 8(3), 8-14.

Lui, F.T. (1985), 'An equilibrium queuing model of bribery', *The Journal of Political Cconomy*, 93(4), 760-781.

Mathur, A. & Singh, K. (2013), 'Foreign direct investment, corruption and democracy', *Applied Economics*, 45(8), 991-1002.

Méon, P.-G. & Weill, L. (2010), 'Is corruption an efficient grease?', *World development, 38*(3), 244-259.

Moulton, B.R. (1986), 'Random group effects and the precision of regression estimates', *Journal of Econometrics*, 32(3), 385-397.

Moulton, B.R. (1990), 'An illustration of a pitfall in estimating the effects of aggregate variables on micro units', *The Review of Economics and Statistics*, 19(2), 334-338.

Murphy, K.M., Shleifer, A. & Vishny, R.W. (1993), 'Why is rent-seeking so costly to growth?', *The American Economic Review*, 83(2), 409-414.

Pajunen, K. (2008), 'Institutions and inflows of foreign direct investment: A fuzzy-set analysis', *Journal of International Business Studies*, 39(4), 652-669.

Peng, M.W., Wang, D.Y. & Jiang, Y. (2008), 'An institution-based view of international business strategy: A focus on emerging economies', *Journal of international business studies*, 39(5), 920-936.

Suchman, M.C. (1995), 'Managing legitimacy: Strategic and institutional approaches', *Academy of Management Review*, 20(3), 571-610.

Svensson, J. (2005), 'Eight questions about corruption', *Journal of Economic Perspectives*, 19(3), 19-42.

Tanzi, V. & Davoodi, H. (1998). *Corruption, public investment, and growth*, Springer Japan, Tokyo.

UNCTAD, T. (2008), *Development Report 2008*, New York and Geneva, 31-40.

United Nations (2011), *United Nations statistical yearbook*, United Nations, New York.

Voyer, P.A. & Beamish, P.W. (2004), 'The effect of corruption on Japanese foreign direct investment', *Journal of Business Ethics*, 50(3), 211-224.

Wei, S.-J. (2000), 'How taxing is corruption on international investors?', *Review of economics and statistics*, 82(1), 1-11.

Williamson, O.E. (1993), 'Opportunism and its critics', *Managerial and decision economics*, 14(2), 97-107.

Williamson, O.E. (2007), 'The economic institutions of capitalism. Firms, markets, relational contracting,' *Das Summa Summarum des Management*, Springer, 61-75.

Yang, H., Xiong, Y. & Ze, Y. (2013), 'A comparative study of determinants of international capital flows to Asian and Latin American emerging countries', *Procedia Computer Science,* 17, 1258-1265.